TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Bùi Đình Ngát

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn P 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Thái Thị D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn P 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ hai - Đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 01 năm 2021 và bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2021, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện chung sống với chị Thái Thị D từ

năm 2008, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục, đến ngày 15 tháng 4 năm 2009 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Đầu năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ những khó khăn về kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, nên anh phải bỏ ra ngoài ở từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 30 tháng 05 năm 2009 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015 đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai A và Thu P đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Thái Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 25 tháng 01 năm 2021, chị D trình bày thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị không phát sinh mâu thuẫn, chưa từng xảy ra cãi mắng nhau. Chị luôn yêu chồng, thương các con. Mặc dù anh H từng tụ tập bạn bè, chơi bời dẫn đến nợ nần nhưng chị đều bỏ qua, tập trung làm ăn trả nợ cho anh, lo kinh tế gia đình. Từ năm 2019, anh H đã biết chăm lo cho cuộc sống của vợ con. Anh H còn tự tay làm lại sân, xây lại tường bao của gia đình cho sạch, đẹp. Đầu năm 2020, anh H ra Hải Phòng làm việc nhưng thường xuyên về thăm gia đình. Cuối năm 2020, anh H tự ý mang quần áo ra Hải Phòng thuê phòng trọ ở riêng. Chị có gọi điện thăm hỏi anh H nhưng chị cảm nhận anh H có biểu hiện lạnh nhạt với chị. Chị tìm hiểu và biết anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị có phân tích, động viên anh nhưng anh không nghe. Nay anh H cương quyết xin ly hôn, chị không đồng ý vì việc phát sinh tình cảm với người khác chỉ là nhất thời, chị sẵn sàng tha thứ cho anh H để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 30 tháng 05 năm 2009 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015 đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Do không đồng ý ly hôn nên về con chung và cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt 02 lần tại 02 phiên hòa giải và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 30 tháng 05 năm 2009 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015. Đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Thái Thị D là bị đơn có nơi cư trú tại thôn P 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

- *Về nội D:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Thái Thị D có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 4 năm 2009. Quá trình thu thập chứng cứ tại chính quyền địa P theo yêu cầu của nguyên đơn và lấy ý kiến của gia đình đều thể hiện: Anh H và chị D không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, không đánh cãi, xúc phạm nhau. Chị D là người thương yêu chồng con, sống có trách nhiệm với gia đình. Anh H xin ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Nguyên nhân chính xin ly hôn của anh H là do anh H mới có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, địa P và gia đình đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh H và chị D về đoàn tụ. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh H và chị D chưa đến mức trầm trọng, cuộc sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Thái Thị D như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 30 tháng 05 năm 2009 và Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2015, hiện đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do yêu cầu xin ly hôn của anh H không được chấp nhận nên về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Thái Thị D.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0009043 ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng